TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:19/2024/HNGĐ - ST
Ngày 10/5/2024.
(*V/v:ly hôn, tranh chấp nuôi con*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hà Quang Văn, bà Nguyễn Thị Phương Thiệu.

Thư ký phiên toà: ông Bùi Ngọc Tạo - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Ngần - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 280/2023/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2023 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* chị Trần Thị Mỹ Đ, sinh năm 1989, tên gọi khác: Không.

Trú tại: thôn Th, xã Ng, huyện L, tỉnh Q.

Bị đơn: anh Quách Văn Kh, sinh năm 1989, tên gọi khác: Không.

Trú tại: thôn B, xã Th, huyện N, tỉnh N.

Chị Đ vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt, anh Kh vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 12 năm 2023, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ Đ trình bày: tôi và anh Quách Văn Kh được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Ng T (nay là xã Ng), huyện L, tỉnh Q vào ngày 26/02/2010. Sau khi kết hôn chúng tôi sinh sống tại thôn B, xã Th, huyện N, tỉnh N. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian khoảng 3 năm, đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên va chạm, cãi vã, xúc phạm nhau. Đến năm 2021 thì tôi đã trở về quê xã Ng, huyện L, tỉnh Q sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân nhau cho đến nay, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng nhau nữa, không có trách nhiệm với nhau nữa. Đến nay tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng tôi đã đến mức thật sự trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Quách Văn Kh.

Về con chung: chúng tôi có 01 con chung là cháu Quách Thái D sinh ngày 31/3/2011, hiện cháu Duy đang ở với anh Kh. Khi ly hôn tôi đồng ý để anh Kh tiếp

tục trực tiếp nuôi cháu Duy và nếu anh Kh có yêu cầu tôi phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung tôi sẽ chấp hành theo phán quyết của Tòa án.

Về tài sản và công nợ chung: tôi không không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/01/2024 anh Quách Văn Kh trình bày: việc kết hôn giữa tôi và chị Trần Thị Mỹ Đ, đúng như chị Đ đã trình bày nêu trên, xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên va chạm, cãi vã, xúc phạm nhau là mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể khắc phục. Đến tháng 9/2023 vợ chồng lại có mâu thuẫn nên chị Đ đã về quê ở thôn Th, xã Ng, huyện L, tỉnh Q sinh sống, kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa. Tuy nhiên theo anh Kh thì mâu thuẫn vợ chồng chỉ nhỏ nhặt, có thể khắc phục nên anh không đồng ý ly hôn, mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Về con chung anh Kh trình bày: vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu Quách Thái D sinh ngày 31/3/2011, hiện cháu Duy đang ở với tôi, nếu phải ly hôn tôi đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: anh Kh không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau đó Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Kh không lên Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 5, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Xử cho chị Trần Thị Mỹ Đ được ly hôn với anh Quách Văn Kh. Về con chung: Giao cháu Quách Thái D sinh ngày 31/3/2011 cho anh Quách Văn Kh tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Quách Thái D đủ 18 tuổi. Chị Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh Kh. Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ Đ phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Quách Văn Kh có địa chỉ tại thôn B, xã Th, huyện N, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện N áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn

vắng mặt lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Trần Thị Mỹ Đ và anh Quách Văn Kh là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người sinh sống tại thôn Bãi Lóng, xã Th, huyện N, tỉnh N. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo sự trình bày của hai bên cũng như qua xác minh tại cơ sở là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên va chạm, cãi vã, xúc phạm nhau. Đến năm 2021 thì vợ chồng lại có mâu thuẫn nên chị Đ đã về quê ở thôn Th, xã Ng, huyện L, tỉnh Q sinh sống, kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa. Bản thân anh Kh dù không đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ nhưng khi được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Kh lại không lên Tòa án tham gia phiên hòa giải. Điều đó chứng tỏ anh Kh không có thiện chí thực sự để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị Mỹ Đ và anh Quách Văn Kh đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Mỹ Đ, xử cho chị Trần Thị Mỹ Đ được ly hôn với anh Quách Văn Kh là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Mỹ Đ và anh Quách Văn Kh có 01 con chung là cháu Quách Thái D sinh ngày 31/3/2011, hiện cháu Duy đang ở với anh Kh. Chị Trần Thị Mỹ Đ và anh Quách Văn Kh đều khỏe mạnh, đều không vi phạm đạo đức, lối sống trong việc nuôi dạy con chung; đều là lao động tự do, có thu nhập qua xác minh ở cơ sở trung bình là 200.000 đồng/ 01 ngày nên đều có đủ điều kiện nuôi con. Anh Kh có yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, phù hợp với nguyện vọng của cháu Duy, phù hợp với quan điểm của chị Trần Thị Mỹ Đ cũng đồng ý để anh Kh tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Duy. Do đó cần giao cho cháu Quách Thái D cho anh Quách Văn Kh tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là thỏa đáng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do anh Kh không có yêu cầu nên không buộc chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Kh là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị Đ và anh Kh không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà không xét.

[5] Về án phí: chị Trần Thị Mỹ Đ phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Trần Thị Mỹ Đ được ly hôn với anh Quách Văn Kh.

2. Về con chung: giao cháu Quách Thái D sinh ngày 31/3/2011 cho anh Quách Văn Kh tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Quách Thái D đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị Mỹ Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh Kh. Chị Trần Thị Mỹ Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: chị Trần Thị Mỹ Đ phải nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện N theo biên lai số BLTU/23/0001112, ngày 21/12/2023.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận*:**
- Toà án tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS N;
- UBND xã Ng, huyện L, tỉnh Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hữu Quốc